

Nghị quyết số: /2026/QH16

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển du lịch Việt Nam
trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong kỷ nguyên mới**

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong kỷ nguyên mới.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Nghị quyết này quy định về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.
- Nghị quyết này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

- Phát triển du lịch gắn với văn hóa Việt Nam, nâng cao chất lượng trải nghiệm, giá trị gia tăng, thời gian lưu trú, hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và thu nhập của người dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo tồn di sản, tài nguyên, bảo vệ môi trường.
- Bảo đảm áp dụng cơ chế, chính sách đúng đối tượng, đúng mục đích, công khai, bình đẳng, minh bạch, hiệu quả, tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ, ngăn chặn mọi biểu hiện trục lợi trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Ưu đãi có thời hạn, gắn với điều kiện, kết quả và trách nhiệm giải trình; không hưởng trùng ưu đãi đối với cùng một khoản thu nhập, khoản chi; không sử dụng ngân sách nhà nước để bù đắp lợi nhuận không đạt kỳ vọng của nhà đầu tư.

4. Ngoài nội dung quy định tại Nghị quyết này, tiêu chuẩn an toàn, quyền của người tiêu dùng, quyền sở hữu, quyền sở hữu trí tuệ và nghĩa vụ thuế tiếp tục thực hiện theo pháp luật có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Dự án du lịch động lực là dự án có quy mô, tính chất quan trọng, có khả năng tạo đột phá phát triển, thúc đẩy liên kết ngành, liên kết vùng, thu hút nguồn lực đầu tư, tạo hiệu ứng lan tỏa lớn đối với tăng trưởng kinh tế - xã hội, đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị quyết này.

2. Mô hình kinh doanh du lịch mới là các mô hình áp dụng phương thức tổ chức và vận hành dựa trên ứng dụng công nghệ mới, liên kết đa chiều, đa chủ thể cung ứng dịch vụ, tạo ra sản phẩm du lịch đa dạng có tính sáng tạo.

Điều 4. Địa bàn áp dụng

1. Chính sách quy định tại Điều 5 và Điều 7 Nghị quyết này được áp dụng tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng và các trung tâm du lịch, địa điểm tiềm năng phát triển khu du lịch quốc gia.

2. Chính sách quy định tại Điều 6 Nghị quyết này được áp dụng trên phạm vi cả nước.

Điều 5. Ưu đãi đối với dự án du lịch động lực

1. Điều kiện được hưởng ưu đãi:

Dự án đáp ứng đầy đủ các điều kiện dưới đây:

a) Đầu tư tại địa bàn quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này; có đầy đủ hồ sơ về đầu tư, đất đai, xây dựng và chấp thuận chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật và hình thành tổ hợp du lịch - văn hóa, thể thao, giải trí, mua sắm; tổ hợp kinh tế đêm; hạ tầng du lịch quy mô lớn;

b) Đầu tư tạo sản phẩm du lịch mới tại cơ sở hoặc dự án đầu tư nâng cấp làm tăng ít nhất 20% năng lực cung ứng sản phẩm chính so với bình quân năm liền trước khi đầu tư, xác định theo thiết kế, công suất, số suất phục vụ hoặc loại sản phẩm, không bao gồm việc thay thế, sửa chữa tài sản thường xuyên hoặc chỉ tăng giá bán;

c) Đầu tư mới tạo ít nhất 300 việc làm trực tiếp thường xuyên; dự án đầu tư mở rộng tạo thêm ít nhất 100 việc làm trực tiếp thường xuyên so với bình quân

năm liền trước khi đầu tư, hoàn thành chậm nhất vào cuối năm hoạt động thứ ba, xác định theo hợp đồng lao động và dữ liệu bảo hiểm xã hội;

d) Có phương án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực, sử dụng tài nguyên tiết kiệm, giảm chất thải, bảo vệ môi trường, thực hiện quyền sở hữu trí tuệ, nghĩa vụ bảo tồn và quyền tiếp cận hợp pháp của cộng đồng theo quy định của pháp luật;

đ) Chậm nhất từ năm hoạt động thứ ba, doanh thu từ sản phẩm mới quy định tại điểm b khoản này chiếm ít nhất 30% tổng doanh thu của phần dự án đề nghị ưu đãi và được hạch toán riêng.

Ưu đãi đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với các dự án đầu tư sau đây: ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, đặt cược, sân gôn.

2. Chính sách ưu đãi:

a) Doanh nghiệp có dự án đáp ứng điều kiện tại Khoản 1 Điều này được áp dụng Khoản 3, Khoản 4 Điều 17 Luật Đầu tư;

b) Doanh nghiệp có dự án được xác nhận theo khoản 3 Điều này được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 10 năm đối với thu nhập từ hoạt động đủ điều kiện; được giảm 50% số thuế phải nộp khác ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp trong 05 năm đầu tiên;

c) Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi tính liên tục từ năm đầu tiên dự án hoặc phần đầu tư mở rộng có doanh thu; thời gian miễn, giảm thuế tính liên tục từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế, trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong 03 năm đầu kể từ năm đầu tiên có doanh thu thì tính từ năm thứ tư;

d) Đối với dự án đang hoạt động, ưu đãi áp dụng đối với thu nhập của phần đầu tư mở rộng được xác nhận, không áp dụng lại đối với thu nhập của tài sản, hoạt động có trước; trường hợp không hạch toán riêng được thì thu nhập được phân bổ theo tỷ lệ nguyên giá tài sản cố định tăng thêm sử dụng cho phần đầu tư mở rộng cấp trên tổng nguyên giá tài sản cố định sử dụng của hoạt động tương ứng, không tính giá trị đánh giá lại tài sản;

đ) Quyền hưởng ưu đãi theo Điều này không phụ thuộc việc dự án thuộc danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc ngưỡng vốn của cơ chế ưu đãi đầu tư đặc biệt; áp dụng cả đối với phần đầu tư mở rộng của dự án được chấp thuận trước ngày 01 tháng 3 năm 2026 nếu khoản đầu tư đề nghị ưu đãi chưa đưa vào kinh doanh trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực;

e) Đối với cùng một khoản thu nhập, doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng cơ chế ưu đãi tại Nghị quyết này hoặc cơ chế ưu đãi khác; việc lựa chọn không

làm phát sinh lại thời gian ưu đãi đã sử dụng và không miễn nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu;

g) Doanh nghiệp tự xác định, kê khai ưu đãi trên cơ sở quyết định xác nhận, chịu trách nhiệm về hồ sơ, số liệu, điều kiện thực tế; nội dung về thu nhập tính thuế, chuyển lỗ, khai, nộp, thanh tra, xử lý vi phạm thuế không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo pháp luật về thuế.

3. Phương thức, thẩm quyền thực hiện

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận dự án đủ điều kiện áp dụng chính sách quy định tại Điều này trên cơ sở thẩm định của cơ quan chuyên môn về du lịch, phối hợp với cơ quan tài chính, cơ quan thuế và cơ quan chuyên ngành có liên quan; đối với dự án thực hiện tại từ hai tỉnh, thành phố trở lên thì xác nhận riêng đối với phần thực hiện tại từng địa phương, không tính trùng chỉ tiêu;

b) Chính phủ quy định chi tiết Khoản 1, 2 Điều này.

Điều 6. Đào tạo nhân lực và phát triển thương hiệu du lịch

1. Điều kiện được hưởng ưu đãi

Doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam, có hoạt động kinh doanh du lịch, mở mới cơ sở đào tạo, thực hiện đào tạo tối thiểu 500 học viên/năm.

2. Chính sách ưu đãi

a) Được tính vào chi phí được trừ 150% khoản chi thực tế cho công tác đào tạo, đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này; phần tăng thêm bằng 50% khoản chi thực tế, không phải khoản ngân sách cấp hoặc hoàn trả bằng tiền trong 5 năm đầu;

b) Được tính tăng thêm khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế gồm:

- Chi phí đào tạo, đào tạo lại người lao động trong lĩnh vực du lịch;
- Đăng ký, bảo hộ nhãn hiệu, tên thương mại, quyền sở hữu trí tuệ có thể được bảo hộ theo pháp luật nước tiếp nhận, gắn với sản phẩm, dịch vụ du lịch cung cấp tại Việt Nam; chi bảo vệ quyền hợp pháp tại thị trường nước ngoài;
- Nghiên cứu thị trường, giới thiệu sản phẩm, tham gia hội chợ chuyên ngành, xúc tiến trực tiếp, chiến dịch tiếp thị tại thị trường quốc tế nhằm đưa khách đến Việt Nam, có kế hoạch, đối tượng, sản phẩm đầu ra, hợp đồng, chứng từ thực hiện.

3. Phương thức, thẩm quyền thực hiện

Chính phủ quy định chi tiết việc xác định doanh thu du lịch trong kinh doanh hỗn hợp và hồ sơ chứng minh khoản chi, không thay đổi tỷ lệ, mức trần hoặc mở rộng nhóm khoản chi quy định tại Nghị quyết này.

Điều 7. Ưu đãi đối với mô hình kinh doanh du lịch mới

1. Điều kiện được hưởng ưu đãi

Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trực tiếp đầu tư, tổ chức vận hành hoặc thực hiện phần hoạt động thuộc mô hình kinh doanh du lịch mới có phương án triển khai, xác định rõ nội dung đổi mới, có mục tiêu, phạm vi, thời gian thực hiện, quy mô, nguồn lực và đảm bảo một trong các điều kiện sau:

- a) Đầu tư vào nền tảng du lịch số, phát triển các giải pháp công nghệ cao, công nghệ sạch, xanh, tuần hoàn cho du lịch.
- b) Có liên kết chuỗi giá trị tạo thành sản phẩm hoặc dịch vụ mới, nâng cao giá trị trải nghiệm du lịch.

2. Chính sách cụ thể

- a) Doanh nghiệp được tính gấp đôi chi phí nghiên cứu và phát triển khi xác định thu nhập chịu thuế.
- b) Giảm tối thiểu 50% số tiền thuê đất trong 03 năm đầu cho các dự án theo mô hình kinh doanh du lịch mới.
- c) Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm tiếp theo đối với thu nhập từ sản phẩm mà mô hình kinh doanh du lịch mới tạo ra. Việc xác định thời gian miễn thuế, giảm thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.
- d) Hỗ trợ quảng bá, xúc tiến sản phẩm từ mô hình kinh doanh du lịch mới trên nền tảng số du lịch quốc gia.

3. Phương thức thực hiện

Chính phủ quy định chi tiết Khoản 1 Điều này.

Điều 8. Ưu tiên, hỗ trợ phát triển hạ tầng dịch vụ du lịch

Nhà nước ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng khu du lịch quốc gia, hạ tầng kết nối tới các trung tâm du lịch trọng điểm; hỗ trợ, khuyến khích mở đường bay mới trực tiếp kết nối thị trường tiềm năng và điểm đến mới.

1. Điều kiện hưởng chính sách:

- a) Các khu du lịch quốc gia và các địa điểm tiềm năng phát triển khu du lịch quốc gia.
- b) Doanh nghiệp Việt Nam đầu tư mở đường bay kết nối trực tiếp thị trường khách du lịch tiềm năng với Việt Nam, trên tuyến chưa có đường bay

thăng thường lệ tại thời điểm xét hỗ trợ; ưu tiên thị trường còn khó tiếp cận do phải nối chuyến, thời gian di chuyển dài và chi phí vận chuyển cao; có kế hoạch khai thác, cam kết tần suất tối thiểu và thời gian duy trì đường bay, bao gồm thời gian tiếp tục khai thác sau khi kết thúc hỗ trợ.

Hãng hàng không phải duy trì tần suất tối thiểu 02 chuyến/tuần liên tục trong suốt thời gian nhận hỗ trợ. Cam kết duy trì đường bay: Phải có văn bản cam kết duy trì đường bay tối thiểu 01 năm tiếp theo sau khi kết thúc gói hỗ trợ.

2. Chính sách cụ thể:

a) Nhà nước đầu tư từ nguồn đầu tư công cho các hạ tầng cơ bản của khu du lịch quốc gia và các địa điểm tiềm năng phát triển khu du lịch quốc gia; hạ tầng kết nối đến các trung tâm du lịch trọng điểm.

b) Hỗ trợ 50% chi phí dịch vụ cất/hạ cánh và điều hành bay tại các cảng hàng không quốc tế của Việt Nam trong thời gian 01 năm đầu tiên kể từ thời điểm bắt đầu khai thác.

c) Hỗ trợ 50% tổng ngân sách chiến dịch truyền thông điểm đến Việt Nam do hãng hàng không và đối tác lữ hành Việt Nam đề xuất, mức trần tối đa không quá 2,5 tỷ VNĐ/đường bay trong thời gian 01 năm.

d) Các khoản hỗ trợ thực hiện vào cuối kỳ.

3. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện.

Điều 9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Chính phủ tổ chức thực hiện Nghị quyết; quy định chi tiết nội dung được giao; bảo đảm kinh phí quản lý, kết nối dữ liệu trong dự toán ngân sách và hạ tầng hiện có, không thành lập quỹ hoặc tổ chức hành chính mới để thực hiện Nghị quyết này; báo cáo Quốc hội về kết quả thực hiện hàng năm, sơ kết 05 năm và tổng kết 10 năm.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở Trung ương và địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao hướng dẫn áp dụng và tổ chức thực hiện Nghị quyết này bảo đảm điều kiện tiếp cận, thực hiện cơ chế, chính sách thuận lợi, khả thi, hiệu quả.

3. Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương đề cao trách nhiệm, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Nghị quyết này, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và khả thi; không để trục lợi chính sách, thất thoát, lãng phí.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công khai cơ quan tiếp nhận hồ sơ, quy trình, kết quả giải quyết; quản lý dự án; bảo đảm quyền lợi cộng đồng, khách du lịch;

có trách nhiệm triển khai các giải pháp để phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giám sát kết quả thực hiện, việc sử dụng nguồn lực và trách nhiệm của cơ quan địa phương.

5. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 10. Hiệu lực và chuyển tiếp

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngàytháng....năm 2026, đến ngày 31 tháng 12 năm 2036.

2. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng quy định của Nghị quyết này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Trường hợp văn bản khác có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hơn quy định của Nghị quyết này thì áp dụng cơ chế, chính sách đó.

4. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, thành viên Ban Soạn thảo xây dựng Nghị quyết này và tham gia triển khai thực hiện Nghị quyết này được xem xét loại trừ, miễn trách nhiệm trong trường hợp đã tuân thủ đầy đủ các quy trình, quy định liên quan và không vụ lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn xảy ra thiệt hại.

5. Việc tiếp tục, sửa đổi hoặc kết thúc cơ chế do Quốc hội xem xét, quyết định trên cơ sở báo cáo tổng kết và đánh giá tác động./.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn